

Lịch sử và hiện trạng lao động Việt Nam ở Nga: những khía cạnh kinh tế và nhân khẩu

KYZNHEXOV NICOLAI GRIGOREVIC*

Trên toàn thế giới hiện nay, dân số di cư quốc tế trở thành nhân tố phát triển xã hội, cung ứng linh hoạt cho thị trường lao động quốc tế, tạo khả năng cho các nước trên thế giới tham gia vào kiến tạo văn hóa, phân phối lại hợp lý hơn những yếu tố sản xuất, tương hỗ và tiếp giao văn hóa.

Di dân lao động quốc tế hay di cư lực lượng lao động đóng vai trò ngày càng lớn trong toàn bộ dòng chảy của di cư quốc tế. Di động của tư bản càng lớn, sự mở rộng của kinh tế, thương mại, của quan hệ tài chính giữa các nước, sản xuất ô ạt có tính quốc tế theo lối kinh doanh toàn cầu đi đôi với thị trường lao động nội địa tạo nên một tiến trình tích cực trong lĩnh vực di dân lao động quốc tế. Theo số liệu của tổ chức Lao động quốc tế, đến cuối thế kỷ XX, trên thế giới có khoảng không dưới 120 triệu người và thành viên gia đình họ di cư lao động hợp pháp. Nếu tính thêm những người di dân lao động không chính thức qua con đường quân đội thì con số đó còn lớn hơn. Di dân lao động quốc tế trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống sản xuất toàn cầu và là hiện thực được nhìn nhận ở những nước lớn. Sự hiện diện của người công nhân nước ngoài ở những nước phát triển trở thành hiện tượng có tính thời vụ trong các yếu tố cấu thành nền kinh tế của họ. Thông qua các cứ liệu đã có, bài viết này sẽ tìm hiểu, sự xuất hiện, tình trạng hiện nay của quá trình di dân lao động Việt Nam tại Nga và thử đưa ra một số dự báo trong tương lai về vấn đề này.

Lịch sử di dân người Việt Nam ở Nga

Con đường trung chuyển từ vùng Đông Nam Á sang Nga rất thuận tiện đối với người Việt Nam. Những người Việt bắt đầu đến Liên bang Xô viết (Liên Xô) từ năm 1920 là những nhà cách mạng. Từ năm 1925 họ đã đến để học tập tại trường Đại học Cộng sản phương Đông và những trường khác. Tính chung, đến cuối những năm 30 đã có khoảng 70 người Việt Nam đến Nga để học tập, trong số họ có “ nhà hướng đạo cách mạng Việt Nam”, Chủ tịch nước đầu tiên của Việt Nam, Cụ Hồ Chí Minh. Một bộ phận trong những người Việt ở lại Nga thời kỳ đầu cuộc chiến tranh vệ quốc đã hy sinh trong trận đánh bảo vệ Matxcơva, một số khác tình nguyện tham gia vào Hồng quân.

Năm 1950 Liên bang Xô viết thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân

*PGS. TS., Viện Quản lý và Thương mại Kaluga, Liên bang Nga.

chủ Cộng hòa. Kể từ đó sinh viên Việt Nam đã sang du học tại Nga. Số lượng sinh viên Việt Nam tại Nga thời kỳ này đã từng đạt tới 70.000 người. Hơn nữa, nhiều người Việt Nam đến nay vẫn còn nhớ ơn, đó là thời kỳ Liên Xô viện trợ cho Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Năm 1982, do gặp khó khăn vì thiếu lực lượng lao động nên Liên Xô đã ký kết hiệp định về việc mời công nhân Việt Nam sang làm việc. Số lượng này có khoảng 90.000 đến 100.000 người. Hiệp định giữa hai nước được ký kết vào ngày 2/4/1981 cho phép một số lượng lớn người Việt Nam nhập cư vào Nga để bổ sung cho lao động của 370 xí nghiệp công nghiệp trong các nước cộng hòa của Liên Xô, trong đó công nhân nhập cư vào Liên bang Nga chiếm tỉ lệ đa số: 83%. Số người sang được tiếp nhận theo hợp đồng là 10.3392. Trong số người do các đơn vị cử sang lao động có khoảng 10 đến 15% là từ các tổ chức tập thể (hợp tác xã thủ công, hợp tác xã nông nghiệp...). Về lợi ích kinh tế của sự hợp tác, có thể thấy, nếu như công nhân Việt Nam sang Nga lao động thời kỳ đầu chỉ do 4 bộ hợp tác quản lý, thì chỉ sau một thời gian đã 30 bộ và ngành tham gia. Nhu cầu tuyển chọn là 70 ngành nghề. 50% công dân Việt Nam lao động trong các doanh nghiệp dệt và công nghiệp nhẹ; 15% trong ngành động cơ; hơn 16% trong ngành xây dựng. Số còn lại làm việc trong các xí nghiệp dệt kim, hóa chất và các lĩnh vực khác. Cơ cấu ngành nghề của các đội công nhân Việt Nam lúc đó đủ ổn định trong một giai đoạn dài. Các địa điểm hấp dẫn lao động Việt Nam đến là các khu vực trung tâm liên bang, vùng cận Von-ga và vùng Tây Xibêri. Hợp đồng lao động được ký 4 năm đối với lao động nữ và 6 năm đối với lao động nam và có thể ký gia hạn không quá một nhiệm kỳ nếu được đội trưởng đồng ý. Cho đến khi kết thúc khóa học hoặc thời hạn làm việc, đương sự không được kết hôn thực tế.

Từ sau năm 1991, với sự tan rã của Liên bang Xô viết, phía Việt Nam tạm ngừng việc cử các đội mới sang lao động. Tuy nhiên, cho đến thời điểm đó số người Việt Nam nhập cư ở Nga đã là 150.000 người. Sự tan rã của Liên Xô đã làm những công nhân hợp đồng này mất đi việc làm và nguồn sống. Khác với Cộng hòa Dân chủ Đức, phía Nga thậm chí không mua vé hồi hương cho công nhân hợp đồng nhà nước và không thể giúp họ về nước, mặc dù có nhiều người trong số họ không gia hạn được hộ khẩu tạm trú, mất quyền sống hợp pháp tại Nga và điều đó tạo cơ hội cho sự tham nhũng trong Bộ Nội vụ Nga. Người Việt Nam tại Nga buộc phải đi buôn bán ở các chợ. Đầu năm 1996, những người Việt làm việc cuối cùng theo hiệp định hợp tác đã kết thúc thời hạn và tại các xí nghiệp ở Nga chính thức không còn người Việt Nam làm việc. (Rõ ràng họ bị sa thải không theo luật định nào cả). Chính phủ cả hai nước đã không quan tâm đến hiện trạng họ không được bên nào giúp trở về nước. Cuộc sống đã đẩy những người này vào chỗ rủi ro và phải dựa vào hoàn cảnh mới. 80.624 người rơi vào tình trạng không đủ thủ tục về nước. Một bộ phận trong số họ ở lại Nga. Phía Nga và Việt Nam không thể thực hiện cam kết trả chi phí hồi hương cho công nhân. Ngoài ra còn có 17.614 công nhân đi khỏi Nga ngoài khung hiệp định bằng tiền riêng của họ, 278 người chết, 81 người bị vào tù, 93 người kết hôn với công dân sở tại. Trên cơ sở những số liệu đó có thể thấy, vẫn còn 5.000 công nhân Việt Nam không biết làm những thủ tục hồi hương, nâng tổng số công nhân chưa về nước lên từ 10.000 đến

15.000 người mặc dù hiệp định 1981 đã kết thúc nhưng vẫn còn hiệu lực. Trong quá trình cải cách cơ cấu, hệ thống tính toán trước đây về sử dụng sức lao động đã bị xóa bỏ. Thời kỳ đầu khoản lương trả cho người Việt tương đương với khoảng 60% tổng số sau bảo hiểm xã hội và phần bù giá chi tiêu theo sự lựa chọn của họ. Ngoài ra, công dân Việt Nam được chuyển 10% lương của họ về nước.

Hiệp định thứ hai giữa hai nước về các nguyên tắc tuyển dụng công dân Việt Nam sang Nga lao động được ký kết vào ngày 29/9/1992. Có 1.300 người xuất cảnh theo hiệp định này. Do sự thay đổi liên tục về cơ cấu, tổ chức của cơ quan chủ quản, do thiếu tư liệu lao động và nhu cầu lao động giảm nên số công nhân này không có việc làm. Từ 1994, Chính phủ Việt Nam đã ngừng đưa công nhân sang Nga. Số công nhân nói trên đã phải kết thúc hợp đồng lao động với chủ nhà máy về khối lượng công việc và giấy phép nhập cảnh có điều kiện của bộ chủ quản. Thực tế là phần lớn những người ở lại đã không đi đến đúng địa phương và làm đúng nghề được phân công. Họ chỉ đăng ký hộ khẩu tạm trú với mục đích được chấp nhận sống hợp pháp và tiếp tục kinh doanh tự do trên lãnh thổ Nga.

Mọi điều khoản được thống kê đầy đủ sau các cuộc thương thảo và thừa nhận trong hiệp định thứ ba ký kết ngày 18/8/2003 giữa Liên bang Nga và Việt Nam. Tuy nhiên trong hiệp định không ghi số lượng người đến Nga. Phía Việt Nam quyết định số lượng thanh niên cần học nghề và nâng cao trình độ nghiệp vụ là 800.000 người. Số liệu văn bản này dự tính số lượng công dân Việt Nam đến sống hợp pháp ở Nga sẽ cao hơn số người trong hiệp định 2/4/1981, với điều kiện họ đến đăng ký ở Sứ quán Việt Nam tại Nga và nhận quyết định làm việc tại nước này. Điều quan trọng trong hiệp định này là quy định về quyền tự chủ trong công việc của công dân Việt trên lãnh thổ Nga (xem điều 2, Hiệp định 14/8/2003).

Hiện nay chúng tôi chưa có số liệu chính xác về số liệu người Việt Nam ở Nga, nhưng các chuyên gia cho rằng trên toàn bộ các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ, có khoảng 100.000 người. Một tác giả khác đánh giá con số này không dưới 350.000 đến 400.000 người, trong đó sống ở thành phố Matxcova gần 30.000 và ở Kharcov khoảng 10.000 người. Thậm chí ở Matxcova còn có cả báo, tạp chí xuất bản bằng tiếng Việt và kênh Tivi vệ tinh với chương trình dành riêng cho người Việt sinh sống tại Nga. Nhìn chung người Việt làm việc tại các chợ hàng hóa và học tại các trường đại học. Trong những năm gần đây các xí nghiệp sản xuất của người Việt đang mọc lên ở Nga. Phần lớn những người Việt ở Nga hiện nay đều ra đi từ miền Bắc Việt Nam.

Phân bố nơi cư trú của người Việt Nam tại Nga

Theo số liệu đăng ký tạm trú năm 2002 của người Việt tại Nga, hiện có 98% số người Việt sống ở vùng thành phố và chỉ 2% sống ở nông thôn nước này. Nếu tạm chấp nhận tỉ lệ phân bố đó, chúng ta vẫn có một sự hoài nghi về số lượng công dân Việt hiện sống trên đất Nga. Số liệu của Cục Quản lý nhập khẩu thành phố Matxcova, Bộ Nội vụ Nga cho thấy trong số 26.226 người Việt đến Nga năm 2002, chỉ có 11.000 người được cấp giấy tạm trú và làm việc ở nước sở tại. Bộ phận quản lý này cũng cho biết cứ 1 người sống hợp pháp thì có 10 người bất hợp pháp tại Nga hiện nay.

Phân bố nơi sinh sống của người Việt tại Nga không đồng đều. Họ tập trung phần lớn tại vùng trung tâm Liên bang (hơn 65%), trong đó thành phố Matxcova chiếm tới 60%, miền Nam 11,4% và vùng cận Von-ga có 9,4% người Việt sinh sống. Còn các vùng khác không gây chú ý với họ.

Điều đáng lưu tâm là tỉ lệ biết tiếng Nga khá cao trong người Việt ở Nga. Họ chiếm tới 73,9% trên toàn Nga. Nếu chia theo chỉ báo vùng thì tỉ lệ này còn cao hơn. Thời hạn đăng ký hộ khẩu không cho phép người Việt định cư lâu dài trên đất Nga, nhưng từ tỉ lệ người Việt biết tiếng Nga cao như vậy cho phép khẳng định có một bộ phận người Việt sống nhiều năm ở Nga và có ý định định cư lâu dài tại đó. Chẳng hạn Chủ tịch Hội Khoa học - Công nghệ Việt Nam tại Nga Nguyễn Văn Thạc hơn 20 năm đã hoạt động tích cực để củng cố quan hệ khoa học Nga - Việt. Các buổi văn nghệ, hội nghị, hội thảo có khả năng mở rộng và củng cố quan hệ giữa các học giả hai bên và làm phong phú thêm mỗi nước. Ông Nguyễn Bá Anh, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Nga có thâm niên 15 năm ở Nga đã liên kết các nhà doanh nghiệp, giúp đỡ thiết thực họ bằng những kế hoạch sản xuất hàng hóa khả thi và tạo ra một quan hệ văn minh, hợp thức đối với người Việt.

Bảng 1: Phân bố công dân Việt Nam theo vùng lãnh thổ và mức độ am hiểu tiếng Nga

<i>Các vùng thuộc Liên bang Nga</i>	<i>Số người Việt Nam sinh sống</i>	<i>Trong đó số người biết tiếng Nga</i>	<i>Tỉ lệ %</i>
Ngoại vi trung tâm Liên bang	17085	13273	77,7
Thành phố Matxcova	15616	12110	77,5
Tây Bắc	940	574	58,2
Phương Nam	2982	2242	75,2
Cận Von-ga	2458	1910	77,7
U Ran	999	665	66,6
Xibêri	988	725	73,3
Viễn Đông	774	646	85,3

Đối với các nhà nhân khẩu học Nga, nhóm người Việt ở tuổi thanh niên và tuổi lao động, nhất là từ 0 đến 9 và từ 10 đến 19, là rất quan trọng. Tiếp xúc với văn hóa Nga, lối sống Nga và khả năng kết hôn với người bản địa có ảnh hưởng đến việc gia tăng dân số Nga. Sự thích ứng và hòa đồng của người nước ngoài trên đất nước sở tại cũng rất quan trọng. Nước Nga đã bắt đầu vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài mà trước hết là Hoa Kỳ. Đáng tiếc là chỉ có bộ phận không đáng kể người Việt làm nông nghiệp trên đất đai Nga. Về cơ bản họ trồng rau xanh và cây gia vị để bán cho chợ các thành phố và các cửa hàng đặc sản. Tác giả đã từng có mặt ở một số nhà kính do người Việt thuê để trồng rau ở vùng ngoại ô Matxcova. Họ tận dụng đất bỏ hoang và những nhà kính bị cũ nát vì không được sử dụng. Do nhiều nguyên nhân, những người sử dụng các nhà kính được hỏi không cho biết rõ xuất xứ đất đai mà chỉ bàn tới những vấn đề chưa được giải quyết hiện nay như luật pháp, tội phạm. Tính ra mỗi khu vực sản xuất rau có không dưới 70-80 người Việt lao động sản xuất. Sự hiện diện của một số xưởng may, nhà chế biến bột mì, xưởng giày dép và những tổ hợp sản

xuất khác cho phép chúng tôi tin rằng người Việt ở Nga đang chiếm vị trí lớn trong cung cấp hàng hóa và thực phẩm ở Nga.

Bảng 2: Phân bố cư dân Việt Nam trên lãnh thổ Nga theo độ tuổi

Loại dân cư	Hệ số	Nhóm tuổi	0-9 tuổi	10-19	20-29	32-39	40-49	50-59	60-69	70 trở lên
Tổng số	Người	22545	713	1163	6820	9804	3531	454	44	16
	%	100	3,2	5,1	30,2	43,5	15,7	2,0	0,2	0,1
Đô thị	Người	22099	682	1135	6691	9636	3456	439	44	16
	%	100	3,1	5,1	30,3	43,6	15,6	2,0	0,2	0,1
Nông thôn	Người	446	31	28	129	168	75	15	-	-
	%	100	6,9	6,3	28,9	37,7	16,8	3,4	-	-

Bảng 3: Phân bố cư dân Việt Nam theo độ tuổi lao động

	Dưới độ tuổi lao động		Trong độ tuổi lao động		Trên độ tuổi lao động	
	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
Toàn Liên bang	886	3,9	21555	95,6	104	0,5
Vùng trung tâm	417	2,7	14928	96,9	63	0,4
Tây Bắc	82	9,2	781	87,8	27	3,0
Miền Nam	109	4,6	2273	95,2	4	0,2
Cận Von-ga	139	8,9	1420	90,9	3	0,2
U- ran	53	5,8	858	94,1	1	0,1
Xibêri	44	6,4	645	93,6	-	-
Viễn Đông	42	6,0	650	93,5	3	0,5

Đào tạo sinh viên nước ngoài tại Nga như là khả năng giải quyết vấn đề dự trữ lao động

Liên bang Nga đang cần sự bổ sung dân nhập cư vào nguồn lao động dự trữ đang dần cạn kiệt. Một trong những con đường tạo ra hiệu quả nhập cư có khả năng tác động đến sự biến đổi kinh tế, xã hội và tình hình nhân khẩu có thể là mở rộng đến mức tối đa việc đào tạo người nước ngoài trong các trường học ở Nga. Điều đó cho phép trước hết làm tăng thu nhập cho các trường đại học, giảm bớt khả năng thất nghiệp của giáo viên, điều không tránh khỏi do việc giảm số lượng thanh niên. Thứ hai, đó cũng là quá trình đào tạo những sinh viên đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng biết tiếng Nga có khả năng làm việc ở nước Nga. Thứ ba, điều này tạo điều kiện cho sinh viên hòa nhập với văn hóa Nga và chia sẻ những nét văn hóa của mình ngay trong thời kỳ học tập.

Theo số liệu thống kê chính thức, mỗi năm hàng ngàn sinh viên đến Nga du học. Sự quan tâm nền giáo dục Nga đã tạo nên một dòng chảy mạnh mẽ từ các nước khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam. Trong vòng 50 năm cộng tác giảng dạy, Liên Xô cũ và Nga đã đào tạo được hơn 70.000 chuyên gia Việt Nam, trong đó hơn 30.000 người tốt nghiệp đại học, 3.000 Tiến sỹ và 200 Tiến sỹ khoa học. Ngoài ra, Nga còn đào tạo được 48.000 công nhân lành nghề và kỹ thuật viên bậc cao cho các doanh

nghiệp công nghiệp. Dưới thời Liên bang Xô Viết, đã có 5 khóa đào tạo giáo viên được tổ chức ở Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Hiện nay có hơn 1.200 công dân Việt Nam đang theo học hệ công lập theo con đường trao đổi chính thức giữa hai nước và 6.000 sinh viên Việt Nam sang Nga du học theo hợp đồng có điều kiện. Hiệp định giữa hai nước đã được ký kết nhằm dự báo khả năng hợp tác rộng hơn giữa hai quốc gia trong lĩnh vực giáo dục. Thanh niên Việt Nam thường thành lập các nhóm, họ tập trung vào việc học tập nhằm hướng về quê hương xứ sở.

Một bộ phận sinh viên nước ngoài ở lại Nga sau khi kết thúc khóa học hoặc sau một thời gian lao động kiếm tiền, kết hôn với công dân Nga. Gần 7% người được phỏng vấn đã kết hôn. 19% số người được hỏi bày tỏ mong muốn sẽ được kết hôn trong tương lai. Hơn 30% người đã từng sinh đẻ muốn con cái họ sẽ được sống ở Nga. Mong muốn được ở lại Nga chứng tỏ mối quan hệ giữa người Việt với chính quyền và dân sở tại, thể hiện trong bảng 4 dưới đây. Nghiên cứu được tiến hành ở 3 thành phố.

Bảng 4: Mức độ quan hệ với người dân và chính quyền sở tại

Mức độ trả lời		Matxcova	Vladivostoc	X.Peterburg
Rất tốt	Chính quyền	1,9	20,0	28,6
	Người dân	13,5	35,0	31,0
Bình thường	Chính quyền	30,8	35,0	31,0
	Người dân	40,4	31,3	31,0
Chưa tốt lắm	Chính quyền	35,6	3,8	16,7
	Người dân	21,2	3,8	11,9
Thù hận	Chính quyền	10,6	1,3	0,0
	Người dân	10,6	0,0	11,9
Không trả lời	Chính quyền	21,2	40,4	23,8
	Người dân	14,5	30,0	23,8

Các nước Đông Nam Á, trước hết là Việt Nam, sau đó là Trung Quốc phải trở thành nguồn lao động dự trữ mở rộng của nước Nga. Vấn đề cần chốt lại là, thứ nhất, chính quyền các nước này muốn sử dụng người di cư đi giải quyết những nhiệm vụ chính trị và kinh tế lâu dài của họ. Thứ hai, các kiều dân đã hiểu biết tường tận, quen thuộc với nước Nga thường định hướng trước hết đến tích lũy tư bản mà không chú ý đến quyền lợi của nước Nga, và thậm chí bất chấp nó. Các chuyên gia cho rằng dân di cư các nước này mạnh về số lượng, giản dị, kiên định trước rủi ro, yêu lao động, sẵn sàng hy sinh nên xứng đáng được ghi danh vào đội ngũ nhập cư và có khả năng cạnh tranh trong tương lai với dân nhập cư các nước khác.

Việc tăng số lượng sinh viên nước ngoài có liên quan với việc giải quyết một loạt vấn đề. Tất cả những người có nguyện vọng ở lại Nga sau khi học xong phải được sống bình đẳng trước pháp luật, có thể nhập quốc tịch Nga và điều đó đòi hỏi sự cải tổ luật định và cách làm việc ở Bộ Ngoại giao Nga. Hệ thống sách lược đồng bộ đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo chuyên gia, uy tín các trường đại học và làm thay đổi cách nhìn đối với nước Nga. Đất nước cần tiếp cận lĩnh vực di dân quốc tế một cách có hiệu quả nhất và ít vấn đề nhất.

Ý kiến cho rằng dân nhập cư lấp những chỗ trống trong nền kinh tế quốc gia chứ không phải trong những ngành có uy tín hiện không có sức thuyết phục.

Bảng 5: Di dân lao động sang Nga từ một số nước giai đoạn 2000 - 2004

TT	Quốc gia	Năm 2000		Năm 2004		Tỉ lệ 2004 so với 2000
		Tổng số nhập cư	Tỉ lệ %	Tổng số nhập cư	Tỉ lệ %	
1	Tổng số	213293	100	460364	100	2,16 lần
2	Trung Quốc	26222	12,29	94064	20,4	3,59 -
3	Thổ Nhĩ Kỳ	17847	8,37	48007	10,4	4,37
4	Việt Nam	13256	6,21	41816	9,2	3,15
5	Các nước Capcazo	8700	4,08	14736	3,2	1,69

Sự cuốn hút của nước Nga đối với lực lượng lao động Việt Nam biểu lộ bắt đầu từ những năm 70. Đến đầu những năm 80, theo hiệp định ký kết giữa hai nước Liên Xô và Việt Nam về việc "Gửi công dân Việt Nam sang lao động và học tập ở Liên Xô" thì người được gửi đi có độ tuổi dưới 34, có học vấn trung học phổ thông và trình độ tay nghề trung bình. Đi làm việc ở Liên Xô được đánh giá là có uy tín đối với người xuất cư nên xu thế này dẫn đến một sự lựa chọn nhân sự kỹ càng. Những công nhân nhập cư có trình độ tay nghề cao và có thâm niên nghề nghiệp thì đều được chọn làm thợ bậc cao của các xí nghiệp. Một nghiên cứu được tiến hành năm 1992 tại ngoại vi Brianxơ và Kaluga (thuộc Nga) cho thấy 15% lao động nhập cư có trình độ học vấn đại học cao đẳng và trình độ chuyên môn hệ trung cấp. Năng suất lao động của các đội sản xuất Việt Nam trong nhà máy đã từng cao hơn các đội công nhân sở tại tới 40-60%. Những trường hợp vi phạm luật chưa từng xảy ra. Sự kiểm soát chặt chẽ của ban lãnh đạo đối với lao động nước ngoài đặt ra một vấn đề sau: hoặc là người nhập cư bất hợp pháp được cấp visa tạm trú, hoặc là buộc phải trục xuất về nước với chi phí tài chính lớn. Giải pháp thứ nhất thích hợp và khả thi cho quan hệ hữu nghị lâu dài giữa hai nước Nga - Việt. Hiện trạng và xu thế của di dân từ Việt Nam sang Nga đòi hỏi cần có sự quan tâm đặc biệt. Tình hình nhân khẩu hiện tại và xu hướng phát triển của Việt Nam dẫn tới những năm gần đây xuất hiện một số vấn đề đối với công dân nước này trên lãnh thổ Nga. Đến 2025 dân số Việt Nam sẽ tương đương với dân số Nga và đến 2050 sẽ cao hơn từ 10 đến 18 triệu người. Tỉ lệ dân số trẻ 15 tuổi ở Việt Nam cao hơn ở Nga 2 lần với khoảng 33%. Trong khi đó tỉ lệ dân số già trong độ tuổi lao động của Việt Nam cao hơn nước Nga 3 lần do tuổi thọ cao hơn đối với cả phụ nữ và nam giới. Nhịp độ gia tăng dân số hàng năm ở Việt Nam cao hơn 1,6 lần Trung Quốc và không thể so sánh được với Nga. Hơn nữa, mật độ dân số Việt Nam đã từng tăng nhanh hơn dân số Trung Quốc gần 2 lần và dân số Nga 29 lần. Trong cơ cấu lao động nhập cư trên lãnh thổ Nga, công dân Trung Quốc chiếm 20,4%, Việt Nam chỉ chiếm 9,1%. Trong khi đó, dân số Trung Quốc lớn hơn dân số Việt Nam 17 lần và khác với Việt Nam, biên giới Trung - Nga rất dài.

Kiểm soát di cư những năm gần đây chỉ ra sự gia tăng số lượng người Việt

đến Nga. Chẳng hạn thống kê tại tỉnh Brianxơ cho thấy lượng người Việt di cư sang tỉnh này năm 2004 lớn gấp 2,5 lần so với năm 2003. Ngoài ra còn có 101 người bị bắt vì vượt biên trái phép. Cần biết rằng, Nga là nước quen thuộc đối với công dân Việt, và sự lựa chọn của họ bị ảnh hưởng của dòng xoáy lao động xuất khẩu sang nước này. Một bộ phận đáng kể kiều dân Việt hoạt động buôn bán ở vùng Cận Ban tích, Khabarop, các thành phố Matxcova, Xanh-Peterburg, Novo-Xibirxơ và các vùng ngoại vi Matxcova, Xverdlovxơ, Cheliabinxơ và cộng hòa Baskortoxtan.

Việt Nam *dự báo* xuất khẩu lao động ra nước ngoài khoảng 4-8% số công nhân trong nước hiện nay. Dự tính năm 2004 là cho 60.000 người xuất khẩu lao động. Hiện chưa có số liệu chính thức về khoản tiền thu được của người lao động xuất khẩu ở Việt Nam, nhưng bằng phương pháp thống kê cũng cho phép kết luận thu nhập của họ có thể là từ 2.000 đến 5.000 Đôla Mỹ mỗi năm. Cần ghi nhận sự cố gắng của Chính phủ, các quan chức và nhân viên Sứ quán Việt Nam trong việc gìn giữ và bảo vệ quyền lợi công dân của nước này tại Nga.

Nhiệm vụ cơ bản đi đầu trong lĩnh vực di dân lao động Việt Nam ở Nga có thể bắt đầu bằng các biện pháp hợp pháp hóa những người di cư bất hợp pháp (điều này không thể làm nhanh được), đảm bảo ổn định xã hội cho họ, khôi phục sự hấp dẫn của các xí nghiệp công nghiệp, tạo sự thích nghi và hòa đồng giữa hai dân tộc tuy khác nhau nhưng gần gũi thân thiết từ lâu.

Tài liệu tham khảo

1. Cộng đồng Việt Nam tại Liên bang Nga: Báo cáo tại Hội nghị khoa học ứng dụng “Cộng đồng Việt Nam trong các nước Đông Âu và Liên Xô cũ”.
2. *Kỷ yếu hội thảo khoa học ứng dụng nhân dịp 20 năm hợp tác Nga- Việt trong lĩnh vực đào tạo cán bộ*. M. Phát triển lao động và xã hội. 2001, tr. 31.
3. “*Sự thật Thanh niên*” ngày 20/8/2002. Thanh niên Matxcova 2002, tr. 11
4. Ion-xep B. A., 1998: *Tóm tắt lịch sử xuất cư và nhập cư ở Nga - Dân số và khủng hoảng*. Phần 4. M. Thông báo của Đại học tổng hợp Lômônôxốp, Nga.
5. Ivanhiux I.V., 2005: *Di dân lao động quốc tế*. Giáo trình. M. Khoa kinh tế Đại học tổng hợp Lômônôxốp, Nga.
6. Học viện Chính trị Quốc gia Nga, 1994: *Báo cáo tại hội nghị quốc tế về dân số và phát triển toàn quốc Kairo ngày 5-13/ 9/1994*. Học viện Chính trị Quốc gia New York .
7. Rubakovxki L.L., 2003: *Dân số di cư*. Chương 5: *Tiến trình quần cư dân di cư*. Trong tạp chí “Di dân ở Nga”. Matxcova.
8. Rubakovxki L.L., 2003: *Dân số di cư: những vấn đề lý luận*. M. Viện Nghiên cứu Chính trị Xã hội Nga.
9. United Nations population Division, special tabulation based on United Nations, 2003, World Population Prospects: the 2002 revision. New York: United Nations.
10. *Việt Nam 2003- 2004*. Nxb Thế giới. Hà Nội - 2004. Tr.12 - 80.
11. Mazurin: *Dân di cư Việt Nam ở Nga hiện nay - Những vấn đề di cư bất hợp pháp ở Nga: Phạm vi giải quyết và thực tế*. MOM ở Nga. M. Gendalp, 2004.